

Số: /BC-QBVMT

Phú Yên, ngày tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐQL ngày 14/4/2021 của Hội đồng quản lý quỹ Bảo vệ môi trường về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và đề ra phương hướng hoạt động của Quỹ năm 2024, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ báo cáo các nội dung như sau:

I. Tình hình hoạt động của Quỹ thực hiện năm 2023

1. Tiếp nhận nguồn vốn

1.1. Tổng các nguồn thu năm 2023 (Sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế): 1.320.504.083 đồng.

- Quỹ bổ sung hỗ trợ, tài trợ: 660.252.042 đồng.
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 198.075.612 đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển: 198.075.612 đồng.
- Quỹ bổ sung thu nhập: 264.100.817 đồng.

1.2. Tổng các nguồn thu từ năm 2018 đến năm 2023 là: 7.396.704.379 đồng.

- Vốn điều lệ do Ngân sách nhà nước cấp: 5.000.000.000 đồng.
- Lãi suất từ vốn điều lệ (năm 2018, 2019, 2020): 114.450.741 đồng.
- Quỹ bổ sung hỗ trợ, tài trợ: 1.151.912.270 đồng.
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 191.285.569 đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển: 611.826.017 đồng.
- Quỹ bổ sung thu nhập : 327.229.782 đồng.

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

1.3. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn vốn khác

Đối với các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư; Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường và nguồn vốn bổ sung khác theo sự cho phép của UBND tỉnh và quy định của pháp luật: hiện nay, Quỹ chưa nhận được nguồn vốn từ các hoạt động này.

2. Tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

2.1. Theo Kế hoạch hoạt động năm 2023 (được HĐQT phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-HĐQLQ ngày 28/4/2023), trong năm 2023, có **33 dự án** phải thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên với tổng số tiền **5.104.898.181** đồng (chưa bao gồm tiền chênh lệch do yếu tố trượt giá và chưa bao gồm các dự án mới được cấp phép năm 2023), trong đó:

+ **02 dự án** thực hiện ký quỹ lần đầu với số tiền là 1.341.734.000 đồng (Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Yên và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 1.5);

+ **31 dự án** thực hiện ký quỹ lần tiếp theo với số tiền là 3.763.164.181 đồng.

2.2. Kết quả thực hiện từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023

Tiếp nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của **35 dự án**, với tổng số tiền là **5.689.573.678 đồng**, cụ thể như sau:

- Tiếp nhận **02 dự án** thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường lần đầu năm 2023 với tổng số tiền là **998.300.000 đồng** (*Dự án khai thác mỏ đá VLXD TT thôn Phước Hậu, xã An Hiệp và thôn Tân Lập, xã An Thọ, huyện Tuy An của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Yên, với số tiền là 666.300.000 đồng; Dự án khai thác mỏ đất san lấp Trảng Gác, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa của Công ty TNHH XD-TM Phúc Trân, với số tiền là 332.000.000 đồng*);

- Số dự án đã thực hiện nộp đủ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường năm 2023 là **29 dự án**, với tổng số tiền là: **3.709.864.494 đồng**;

- Số dự án nộp thiếu tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường: **02 dự án**, với tổng số tiền đã thực hiện ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường là **927.445.184 đồng** (*Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Hoàng Minh đã ký quỹ 100.000.000 đồng, số tiền còn thiếu là 391.271.803 đồng; dự án Khai thác mỏ fluorit xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên của công ty CP khoáng sản Phú Yên đã ký 827.445.184 đồng, số tiền còn thiếu 96.964.515 đồng*);

- Tiếp nhận **02 dự án** chuyển tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường còn lại của những năm từ các tổ chức tín dụng về tài khoản Quỹ, với tổng số tiền tiếp nhận là **53.964.000 đồng** (*Dự án Mỏ cát VLXD TT Sông Ba thôn Phước Mỹ, xã Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa của Công ty TNHH XD và TM Trần Đại với số tiền là 9.964.000 đồng; Dự án Khai thác mỏ cát sông Đà Rằng, khu phố Phước Thịnh, TT Phú Thứ, huyện Tây Hòa của Công ty TNHH XD và TM Trần Đại với số tiền là 44.000.000 đồng*).

2.3. Lũy kế từ khi tiếp nhận đến hết ngày 31/12/2023

Tổng số dự án đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ Bảo vệ môi trường Phú Yên là **67 dự án** với tổng số tiền tiếp nhận là **46.075.125.639** đồng.

2.4. Số dự án chưa đóng tiền ký quỹ năm 2023 là 02 dự án, cụ thể như sau:

STT	Công ty	Dự án	Thực trạng	Ghi chú
1	Công ty CP đầu tư và xây dựng 1.5	Dự án Khai thác và chế biến đá VLXD thông thường thôn Phước Hòa, xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân	Chưa xây dựng cơ bản mỏ	Thực hiện theo Thông báo số 361/TB-STNMT ngày 21/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Quỹ BVMT tạm thời ngừng theo dõi ký quỹ đến khi có thông báo bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ
2	Công ty CP thương mại - dịch vụ Huy Thiên Phú	Khai thác mỏ đất san lấp tại thôn Tân Lập xã An Thọ, huyện Tuy An	Chưa xây dựng cơ bản mỏ	

2.5. Đối với các đơn vị chậm ký quỹ trong năm 2023

Quỹ Bảo vệ môi trường đã có các văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tình hình thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản năm 2023 và đề nghị xử lý đối với các đơn vị chậm và chưa ký quỹ trong năm 2023 (tại Báo cáo số 02/BC-QBVMT ngày 06/01/2023; Công văn số 04/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 10/01/2023; Công văn số 07/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 12/01/2023; Báo cáo số 32/BC-QBVMT ngày 27/4/2023; Công văn số 57/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 07/7/2023 và Công văn số 85/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 06/9/2023). Qua đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh xử phạt các dự án chậm ký quỹ với tổng số tiền phạt phải nộp vào NSNN là **8.008.118** đồng.

2.6. Xác nhận việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

- Trong năm 2023, Quỹ đã xác nhận việc thực hiện ký quỹ đối với 34 dự án của các tổ chức, cá nhân có Thông báo số tiền ký quỹ và đã hoàn thành việc ký quỹ vào tài khoản Quỹ với tổng số tiền đã xác nhận 4.470.199.620 đồng, trong đó:

+ 27 dự án ký quỹ lần tiếp theo trong năm 2023, với tổng số tiền 2.924.338.543 đồng;

+ 02 dự án ký quỹ lần đầu trong năm 2023, với số tiền: 998.300.000 đồng;

+ 05 dự án ký quỹ của những năm từ năm 2018 đến năm 2022, với tổng số 933.525.077 đồng: (1 - Dự án Mỏ cát VL XDTT Sông Ba thôn Phước Mỹ, xã Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa của Công ty TNHH XD và TM Trần Đại với số tiền là 9.964.000 đồng; 2 - Dự án Khai thác mỏ cát sông Đà Rằng, khu phố Phước Thịnh, TT Phú Thứ, huyện Tây Hòa của Công ty TNHH XD và TM Trần Đại với số tiền là 44.000.000 đồng; 3 - Dự án Khai thác mỏ đá Phú Thạnh 3 của Công

ty Cổ phần Xây lắp Tiến Đạt với số tiền là 249.381.526 đồng; 4 - Dự án Khai thác và chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường suối Biều, xã Sơn Giang, huyện Sông Hình của Công ty CP 3.2 với số tiền là 468.901.000 đồng; 5 - Dự án Khai thác và chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường thôn Phước Lộc, xã Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân của Công ty CP 3.2 với số tiền 161.278.551 đồng).

- Còn lại 04 dự án, Quỹ chưa xác nhận, cụ thể:

+ 02 dự án chưa gửi thông báo số tiền ký quỹ : 1- dự án Thăm dò, khai thác và chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường, thôn Trung Trinh, xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa của Công ty TNHH khoáng sản Sơn Long; 2- dự án Thăm dò, khai thác và chế biến đá làm VLXD thông thường tại mỏ đá Vũng Đá Bàn, thôn Phú Thạnh, xã An Chấn, huyện Tuy An của Công ty TNHH Dịch vụ - Tư vấn đầu tư dầu khí Vũng Rô;

+ 02 dự án đóng thiếu tiền ký quỹ: 1- Thăm dò, khai thác và chế biến đá VLXD TT Hòn Dung thôn Phú Thạnh, xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Hoàng Minh; 2- dự án Khai thác mỏ fluorit xã Xuân Lãn, huyện Đồng Xuân của công ty CP khoáng sản Phú Yên.

2.7. Tiếp nhận số tiền ký quỹ còn lại của những năm trước năm 2018 từ các tổ chức tín dụng về tài khoản Quỹ

Quỹ tiếp tục có văn bản đôn đốc, đề nghị thực hiện chuyển tiền ký cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh về Quỹ bảo vệ môi trường (tại văn bản số 68/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 19/7/2023). Qua đó, tiếp nhận **02 dự án** chuyển tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường còn lại của những năm từ các tổ chức tín dụng về tài khoản Quỹ, với tổng số tiền tiếp nhận là **53.964.000** đồng.

2.8. Hoàn trả tiền ký quỹ

Từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023, Quỹ đã thực hiện hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho 01 dự án Khai thác mỏ cát VLXD TT sông Đà Rằng, thôn Ngọc Phước 2, xã Bình Ngọc, Tp. Tuy Hòa của Công ty TNHH Xây dựng công trình Hưng Thịnh (bao gồm cả gốc và lãi) với số tiền là **40.443.913** đồng.

2.9. Chế độ báo cáo

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên thực hiện báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, UBND tỉnh về tình hình quản lý tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản hàng quý và năm 2023 theo đúng quy định.

3. Hoạt động hỗ trợ tài chính

Ngày 26/7/2023, Quỹ Bảo vệ môi trường nhận được đơn đề nghị tài trợ kinh phí triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào trồng cây “Vì một Phú Yên xanh” năm 2023 của Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh Phú Yên; Trên cơ sở đó, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có Báo cáo số 78/BC-CQĐHNVQ ngày 22/8/2023 gửi Giám đốc Quỹ về kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị tài trợ kinh phí triển khai Kế

hoạch tổ chức thực hiện phong trào trồng cây “Vi một Phú Yên xanh” năm 2023 của Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh Phú Yên;

Qua đó, Quỹ thực hiện tài trợ kinh phí triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào trồng cây “Vi một Phú Yên xanh” năm 2023 của Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh Phú Yên với số tiền là **60.000.000** đồng (tại Quyết định số 82/QĐ-QBVMT ngày 28/8/2023 của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường).

4. Công tác tổ chức

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ: Hiện nay, nhân sự của Quỹ có 11 thành viên, trong đó 72,7% nhân sự là kiêm nhiệm, 27,3% nhân sự là nhân viên hợp đồng chuyên trách. Trong đó:

+ Hội đồng quản lý quỹ: 04 thành viên; thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm;

+ Ban kiểm soát quỹ: 02 thành viên; thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm;

+ Cơ quan điều hành nghiệp vụ quỹ: 05 thành viên; trong đó có 02 thành viên thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm và 03 thành viên thực hiện chế độ chuyên trách. Cụ thể như sau:

4.1. Hội đồng quản lý Quỹ:

Hội đồng quản lý Quỹ có 04 thành viên, gồm:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Quyết định bổ nhiệm
1	Hồ Thị Nguyên Thảo	Chủ tịch	UBND tỉnh	Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh
2	Đặng Ngọc Anh	Phó Chủ tịch	Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	Trần Văn Trí	Ủy viên	Ngân hàng NN Việt Nam - CN Phú Yên	
4	Đặng Kim Ba	Ủy viên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh

4.2. Ban kiểm soát Quỹ:

Ban kiểm soát Quỹ có 02 thành viên, gồm:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Quyết định bổ nhiệm
1	Nguyễn Văn Thuận	Trưởng ban	Sở Tài chính	Quyết định số 04/QĐ-HĐQL ngày 04/4/2023 của Hội đồng Quản lý Quỹ

2	Võ Duy Luân	Thành viên	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 08/QĐ-HĐQL ngày 25/5/2023 của Hội đồng Quản lý Quỹ
---	-------------	------------	-----------------------------	--

4.3. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ:

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có 5 nhân sự, gồm:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Quyết định bổ nhiệm
1	Nguyễn Thái Hòa	Giám đốc	Sở TNMT	Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh.
2	Đào Thị Lý Len	P. Giám đốc	Sở TNMT	Quyết định số 01/QĐ-HĐQL ngày 16/3/2023 của Hội đồng Quản lý Quỹ
3	Cao Thị Trúc Lâm	Nhân viên	Quỹ BVMT	Hợp đồng lao động số 07/HĐLD-QBVM ngày 28/7/2023 của QBVM
4	Nguyễn Vũ Linh	Nhân viên	Quỹ BVMT	Hợp đồng lao động số 06/HĐLD-QBVM ngày 31/3/2023 của QBVM
5	Huỳnh Lê Huy	Nhân viên	Quỹ BVMT	Hợp đồng lao động số 14/HĐLD-QBVM ngày 29/12/2023 của QBVM

5. Các hoạt động chính khác

- Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài chính về tình hình thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản năm 2023;

- Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh về tình hình quản lý tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Quỹ hàng quý năm 2023;

- Xây dựng Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được tài trợ, đồng tài trợ từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên và mức tài trợ năm 2023 và được phê duyệt tại Quyết định số 05/QĐ-HĐQLQ ngày 28/4/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên và được phê duyệt ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQLQ ngày 28/4/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ).

- Hoàn thiện Báo cáo gửi Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ v/v sửa đổi một số nội dung Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh tại báo cáo số 25/BC-CQĐHNVQ ngày 24/4/2023 và được Hội đồng quản lý Quỹ thống nhất tại Công văn số 07/HĐQLQ ngày 28/4/2023;

- Hoàn thiện dự thảo báo cáo cung cấp tài liệu phục vụ khảo sát lập kế hoạch kiểm toán gửi Sở Tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tại Công văn số 30/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 25/4/2023;

- Phối hợp với Hội LHPN tỉnh Phú Yên và Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chương trình tài trợ, hỗ trợ năm 2022 tại Công văn số 31/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 25/4/2023;

- Hoàn thiện Thông báo về việc thay đổi chế độ kế toán của Quỹ Bảo vệ môi trường gửi Cục thuế tỉnh Phú Yên (tại Công văn số 80/TB-CQĐHNVQ ngày 25/8/2023);

- Xây dựng và hoàn thiện Báo cáo kết quả hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/7/2023 và ước thực năm 2023 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên (tại Báo cáo số 81/BC-CQĐHNVQ ngày 28/8/2023 của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ);

- Tổ chức Họp đánh giá kết quả hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/7/2023 và ước thực năm 2023 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên;

- Hoàn thiện dự thảo báo cáo cung cấp thông tin phục vụ quyết toán NSDP năm 2022 gửi Sở Tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường (tại Công văn số 83/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 28/8/2023);

- Báo cáo bổ sung kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung kiến nghị theo Kết luận thanh tra của Sở Tài chính (tại công văn số 104/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 20/10/2023);

- Hoàn thiện và ban hành Quy chế làm việc của Cơ quan Điều hành nghiệp vụ Quỹ Bảo vệ môi trường (tại Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường);

- Hoàn thiện báo cáo tình hình kết quả hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/10/2023 gửi Sở Tài chính (tại Công văn số 107/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 26/10/2023);

- Hoàn thiện việc bàn giao tài sản, công cụ, dụng cụ của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ cho công chức, người lao động quản lý và sử dụng (tại Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường);

- Gửi Công văn thông báo thời điểm thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường năm 2024 cho các tổ chức, đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (tại Công văn số 115/QBVMT-CQĐHNVQ ngày 30/11/2023).

II. Tình hình thu – chi hoạt động năm 2023

1. Tổng thu: 3.615.003.415 đồng, trong đó:

Hoạt động nghiệp vụ: **3.615.003.415 đồng;**

2. Tổng chi: 1.964.373.311 đồng, trong đó:

Chi quản lý, thù lao và lương: 604.884.906 đồng;

Số tiền lãi phải trả cho doanh nghiệp ký quỹ: 1.359.488.405 đồng.

3. Chênh lệch thu chi trước thuế: 1.650.630.104 đồng.

4. Chi nộp thuế 330.126.021 đồng.

5. Chênh lệch thu chi sau thuế: 1.320.504.083 đồng.

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

III. Phương hướng hoạt động năm 2024

1. Tiếp nhận các nguồn vốn

Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn khác (nếu có), gồm: Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư, viện trợ, ODA của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường và đa dạng sinh học của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; các nguồn vốn bổ sung khác theo sự cho phép của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận, quản lý tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường từ các dự án khai thác khoáng sản

- Tiếp nhận số tiền ký quỹ còn lại của những năm trước từ các tổ chức tín dụng về tài khoản Quỹ.

- Tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường năm 2024 của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh: Khoảng **31 dự án** phải thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với tổng số tiền **4.120.706.035 đồng** (chưa bao gồm tiền chênh lệch do yếu tố trượt giá và chưa bao gồm các dự án mới được cấp phép trong năm 2024). *(Chi tiết phụ lục 03 đính kèm)*

- Xác nhận việc thực hiện ký quỹ đối với các tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc ký quỹ vào tài khoản Quỹ BVMT tỉnh Phú Yên và thông báo cho Quỹ theo quy định.

- Hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

- Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, UBND tỉnh về tình hình quản lý tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên hàng quý và năm theo đúng quy định.

3. Hoạt động hỗ trợ, đồng tài trợ

- Xây dựng Quyết định ban hành Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được tài trợ, đồng tài trợ từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên năm 2024 phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ cho phép để trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

- Xây dựng Kế hoạch tài trợ năm 2024.

- Phối hợp với các đơn vị được tài trợ theo Kế hoạch phê duyệt để cấp vốn và hỗ trợ triển khai các hoạt động trong năm 2024.

- Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm các tỉnh có Quỹ Bảo vệ môi trường hoạt động ổn định và phát triển để góp phần nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn.

4. Dự toán thu – chi năm 2024

- Tổng thu: 2.754.657.439 đồng.

- Tổng chi: 2.081.015.851 đồng.

- Chênh lệch thu chi trước thuế: 673.641.588 đồng.

- Chi nộp thuế: 134.728.318 đồng.

- Chênh lệch thu – chi sau khi nộp thuế: 538.913.270 đồng.

(Chi tiết phụ lục 02 đính kèm)

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Quỹ bảo vệ Môi trường tỉnh Phú Yên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- HĐQLQ (b/c);
- BKS Quỹ;
- GD, PGD Quỹ;
- Lưu: VT, CQĐHNVQ_{Linh}.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hòa

PHỤ LỤC 01
TÌNH HÌNH THU – CHI HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-QBVMT ngày /02/2024 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	Thực hiện năm 2023	Lũy kế từ 2018 đến năm 2023	Đã chi năm từ 2018-2023	Số tồn các quỹ tính đến 31/12/2023
I	Tổng Doanh thu	1.727.808.460	2.449.726.770	3.615.003.415	10.591.021.948		
II	Tổng chi phí	1.528.555.000	1.719.427.112	1.964.373.311	7.315.182.037		
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ (Lãi 3,1% phải trả các DN)	1.146.000.697	1.251.744.609	1.359.488.405	5.393.212.457		
2	Chi phí quản lý	382.554.303	467.682.503	604.884.906	1.921.969.580		
III	Chênh lệch thu chi	199.253.460	730.299.658	1.650.630.104	3.275.839.911		
IV	Nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (nếu có)	39.850.692	146.059.932	330.126.021	617.564.632		
V	Chênh lệch thu chi sau khi thực hiện nghĩa vụ với NSNN	159.402.768	584.239.726	1.320.504.083	2.658.275.279	261.570.900	7.396.704.379
1	Vốn điều lệ do ngân sách cấp						5.000.000.000
2	Trích bổ sung vốn điều lệ (80% lãi vốn điều lệ)						114.450.741
3	Trích quỹ bổ sung hỗ trợ tài trợ (50% chênh lệch thu-chi sau khi trừ bổ sung vốn điều lệ)	79.701.384	292.119.863	660.252.042	1.271.912.270	120.000.000	1.151.912.270
4	Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi (15%)	23.910.415	87.635.959	198.075.612	332.856.469	141.570.900	191.285.569
5	Trích quỹ đầu tư phát triển (15%)	23.910.415	87.635.959	198.075.612	611.826.017		611.826.017
6	Trích quỹ bổ sung thu nhập (20%)	31.880.554	116.847.945	264.100.817	327.229.782		327.229.782

PHỤ LỤC 02
DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2024

*(Đính kèm theo Báo cáo số /BC-QBVM ngày /02/2024
của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên)*

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Năm 2024	Ghi chú
I	Tổng Doanh thu	2.754.657.439	
1	Doanh thu từ tiền gửi ngân hàng	2.754.657.439	
II	Tổng chi phí	2.081.015.851	
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ (Lãi 3,1% phải trả các doanh nghiệp)	1.419.459.051	
2	Chi phí quản lý	661.556.800	
a	Tiền lương, các khoản đóng góp	411.556.800	
b	Chi hoạt động	250.000.000	
III	Chênh lệch thu chi	673.641.588	
IV	Nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (nếu có)	134.728.318	
V	Chênh lệch thu chi sau khi thực hiện nghĩa vụ với NSNN	538.913.270	
1	Trích quỹ bổ sung hỗ trợ tài trợ (50% chênh lệch thu-chi sau khi trừ bổ sung vốn điều lệ)	269.456.635	
2	Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi (15%)	80.836.991	
3	Trích quỹ đầu tư phát triển (15%)	80.836.991	
4	Trích quỹ bổ sung thu nhập (20%)	107.782.654	

PHỤ LỤC 03**Danh sách dự án phải thực hiện ký quỹ lần tiếp theo trong năm 2024**

(Đính kèm theo Báo cáo số /BC-QBVM ngày /02/2024 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên đơn vị	Dự án	Số QĐ phê duyệt phương án CT, PHMT	Số QĐ phê duyệt phương án CT, PHMT bổ sung	Số Giấy phép khai thác khoáng sản	Số Giấy phép gia hạn	Số tiền phải nộp năm 2023 (chưa bao gồm trượt giá)
1	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Huy Phú	Mỏ cát VLXDĐT Sông Đà Rằng thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa	QĐ 2033/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh		75/GP-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh		5.928.900
2	Công ty TNHH Cát Thiên Phúc	Khai thác Cát VLXDĐT tại Sông Đà Rằng thôn Mỹ Thạnh Tây, xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa	QĐ số 28/QĐ-STNMT ngày 30/3/2017 của Sở TNMT		28/GP-UBND ngày 11/04/2017 của UBND tỉnh		7.470.000
3	DNTN Nhất Lam	Khai thác và chế biến đá VLXDĐT tại Buôn Zô, xã Ealy, huyện Sông Hinh	QĐ số 2127/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND tỉnh		11/GP-UBND ngày 21/02/2013 của UBND tỉnh		276.417.998
4	Công ty CP 3.2	Khai thác và chế biến đá VLXDĐT tại thôn Suối Biều, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh	QĐ số 1777/QĐ-UBND ngày 28/07/2011 của UBND huyện Sông Hinh	114/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh	56/GP-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh		17.975.000
5	Công ty CP khai thác và chế biến KS Hùng Dũng	Khai thác mỏ đá ốp lát Hòn Gộp tại thôn Tân Lập, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh	2667/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh		12/GP-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh		81.001.354
6	DNTN vận tải - XD Hồng Nguyên	Mỏ cát VLXDĐT thôn Hà Giang, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh	87/QĐ-STNMT ngày 30/3/2017 của Sở TN&MT		43/GP-UBND ngày 7/8/2017 của UBND tỉnh		8.097.921
7	Công ty TNHH Bảo Trân	Thăm dò mở rộng mỏ đá VLXDĐT tại thôn Tân	1996/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của		31/GP-UBND ngày		84.256.932

		An, xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa	UBND tỉnh		15/12/2021 (05 năm)		
8	Công ty TNHH Tân Hoàng Đạt	Khai thác, chế biến quặng vàng tại xã Sơn Phước, huyện Sơn Hòa	2210/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh		31/GP-UBND ngày 17/04/2017 của UBND tỉnh		317.040.285
9	Công ty CP VLXD Phú Yên	Khai thác mỏ đá ộp lát Gabro Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa	185/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh		08/GP-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh		40.087.000
10	Công ty cổ phần Hồng Phúc	Khai thác mỏ cát VLXDĐT sông Đà Rằng, xã Hòa An, huyện Phú Hòa	1196/QĐ-UBND ngày 06/06/2016 của UBND tỉnh		25/GP-UBND ngày 14/06/2016 của UBND tỉnh		5.483.600
11	Công ty CP lâm đặc sản Phú Yên	Khai thác mỏ cát VLXDĐT sông Đà rặng thôn Vĩnh Phú, xã Hòa An, huyện Phú Hòa	209/QĐ-STNMT ngày 27/06/2017 của Sở TNMT		44/GP-UBND ngày 08/08/2017 của UBND tỉnh		5.343.750
12	Công ty TNHH XD Việt Phát Đạt	Khai thác mỏ cát VLXDĐT tại thôn Phú Dương, xã Xuân Thịnh, TX. Sông Cầu	1493/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh		38/GP-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh		8.364.000
13	Công ty TNHH Xây dựng Hòa Mỹ	Mỏ đá VLXD Hòa Mỹ tại Thôn Hòa Mỹ, xã Xuân Cảnh, TX. Sông Cầu	1103/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh		23/GP-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh		39.351.160
14	Công ty TNHH XD TM DV Phục Hưng	Khai thác và CB đá làm VLXDĐT tại Mỏ đá thôn Hòa Hiệp, xã Xuân Thịnh, TX. Sông Cầu	79/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh		21/GP-UBND ngày 21/03/2017 của UBND tỉnh	06/GP-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh	92.390.000
15	DNTN Hoàng Dương	Thăm dò, khai thác khoáng sản cát VLXDĐT Sông Cái (đoạn Ngân Sơn) xã An Định, huyện Tuy An	1425/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh		45/GP-UBND ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh		4.114.300
16	Công ty TNHH	Thăm dò, khai thác và	695/QĐ-UBND		39/GP-UBND		403.145.000

	Sản xuất và Xây dựng Hoàng Minh	chế biến đá VLXDTT Hòn Dung thôn Phú Thạnh, xã An Chân, huyện Tuy An	ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh		ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh		
17	Công ty TNHH XD&SX gạch tuynel Tân An	Khai thác mỏ đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hòa Tân Đông, huyện Đông Hòa	188/QĐ-STNMT ngày 30/5/2017 của Sở TN&MT		32/GP-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh		47.789.000
18	Công ty CP khai thác và chế biến KS Vĩ Đạt	Khai thác mỏ cát VLXDTT sông Đà Rằng, xã Hòa Phong và xã Hòa Phú huyện Tây Hòa	1156/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh		24/GP-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh		55.343.891
19	Tổng Công ty CP Thành Trung	Khai thác mỏ đất san lấp núi Cây Tra, thôn Phú Khê 2, xã Hòa Xuân Đông, huyện Đông Hòa	697/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh		16/GP-UBND ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh		304.255.257
20	Công ty TNHH Đá Granite Thành Châu Phú Yên	Khai thác mỏ đá ộp lát Gabrodiorit Đa Lộc, huyện Đồng Xuân	681/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh		11/GP-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh		108.669.000
21	Công ty CP đầu tư hạ tầng - thương mại Bình An (nhân chuyển nhượng từ Công ty TNHH XD Hưng Thịnh)	Khai thác mỏ đất san lấp tại núi Hòn Một, thôn Thọ Vực, xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	301/QĐ-STNMT ngày 12/9/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường		17/GP-UBND ngày 02/10/2019 của UBND tỉnh		82.218.750
22	Công ty sản xuất đá Granit - TNHH	Mở rộng khu vực khai thác đá gabro, Diorit và nâng công suất nhà máy chế biến đá ộp lát hiện có	2551/QĐ-BTNMT ngày 11/11/2020 của Bộ TNMT		71/GP-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh		296.769.000
23	Công ty TNHH Huy Minh Tuấn	Khai thác mỏ đất san lấp núi Hòn Trong, thôn Thọ Vực, xã Hòa Kiến, TP Tuy Hòa	275/QĐ-STNMT ngày 18/10/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường		19/GP-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh		31.421.384
24	Công ty CP VLXD Phú Yên	Đầu tư xây dựng công trình khai thác đá granit	1062/QĐ-BTNMT ngày 11/5/2020 của		226/GP-BTNMT ngày		150.124.000

		làm ốp lát tại khu vực thôn Da Dù, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân	Bộ TNMT		24/11/2020 của UBND tỉnh		
25	Công ty TNHH Dịch vụ - tư vấn đầu tư dầu khí vũng rô	Thăm dò, khai thác và chế biến đá làm VLXD TT tại mỏ đá Vũng đá Bàn, thôn Phú Thạnh, xã An Chân, huyện Tuy An	1523/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh	18/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của UBND tỉnh	37/GP-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh		608.125.000
26	Công ty CP quản lý và sửa chữa đường bộ PY	Khai thác mỏ đá VLXD thông thường An Thọ	941/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh		05/GP-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh		242.250.000
27	Công ty TNHH Xây dựng Thành An Phú Yên	Khai thác mỏ đá suối Côi, thôn Lương Phước, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên - 8,0ha	1667/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh		04/GP-UBND ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh		182.652.632
28	Công ty CP Khoáng sản Phú Yên	Diatomit Hòa Lộc	1168/QĐ-UBND ngày 16/9/2010 của UBND huyện Tuy An		1129/GP-BTNMT ngày 13/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường		43.771.353
29	Công ty CP XD giao thông Phú Yên	Khai thác mỏ đá vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Phước Hậu, xã An Hiệp và thôn Tân Lập, xã An Thọ, huyện Tuy An	316/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh		12/GP-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh		134.800.000
30	Công ty CP khoáng sản Phú Yên	Khai thác mỏ Fluorit xã Xuân Lãnh	1187/QĐ-BTNMT ngày 19/5/2017		Số 123/GP-BTNMT ngày 23/7/2021		104.049.568
31	Công ty TNHH Xây dựng- Thương mại Phúc Trân	Khai thác mỏ đất san lấp Trảng Gác, xã Sơn Thành Đông	1286/QĐ-UBND ngày 25/9/2023		Số 80/GP-UBND ngày 21/11/2023		332.000.000
Tổng cộng: 31 dự án							4.120.706.035